



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Hợp Nhất

Ngày 31/12/2025	3,600 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-5.3%	-	-

DT thuần Q4/25
108
tỷ VNĐ
QoQ: ▼137 -55.9%
YoY: ▼339 -75.8%

LN thuần Q4/25
-7.10
tỷ VNĐ
QoQ: ▼11.3 -268%
YoY: ▼21.4 -150%

LN sau thuế Q4/25
-13.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼13.7 -22774%
YoY: ▼19.9 -316%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
0.7%
YoY: +/-▼ 1.3%

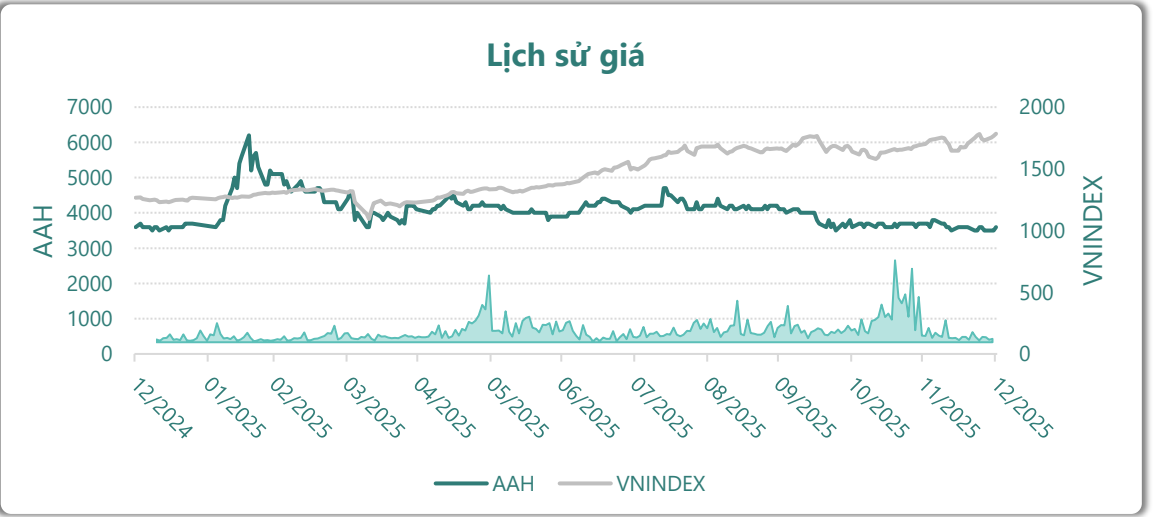
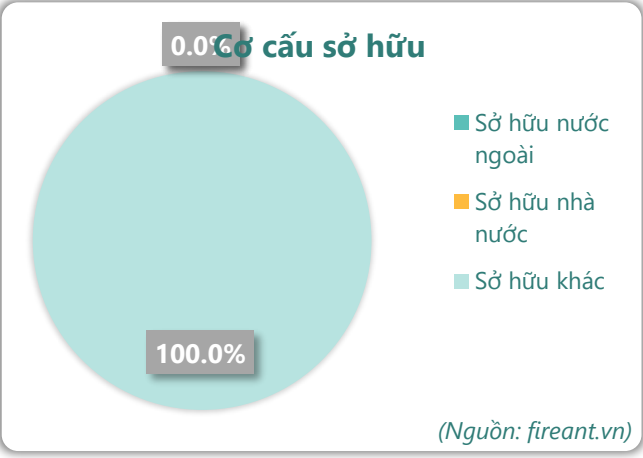
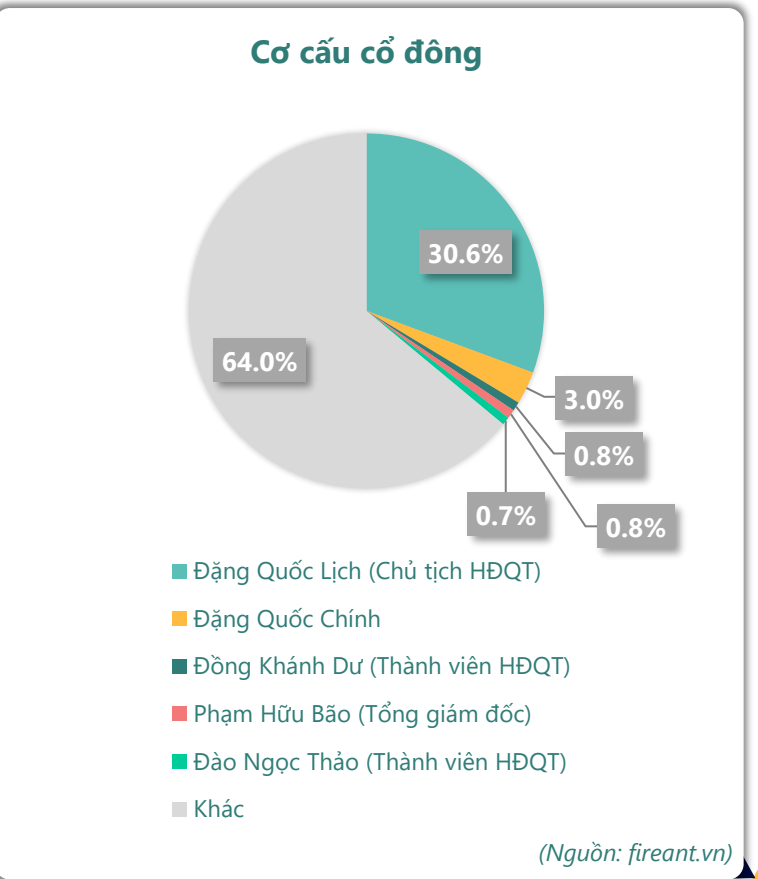
ROE 2025
-0.2%
YoY: +/-▼ 1.2%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	3,500 - 6,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	424
Số lượng CPLH (CP)	117,900,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	907,195
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.93
EPS	-19
P/E	-186.1

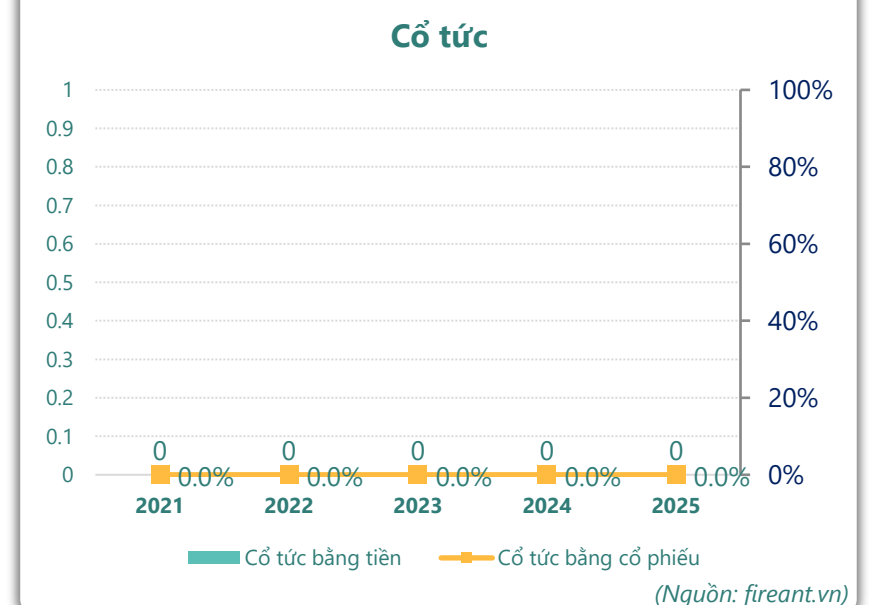
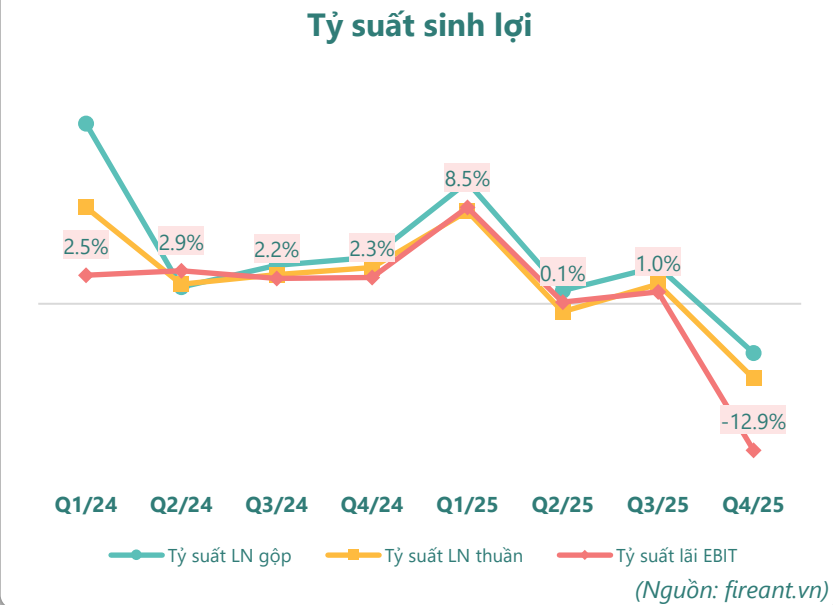
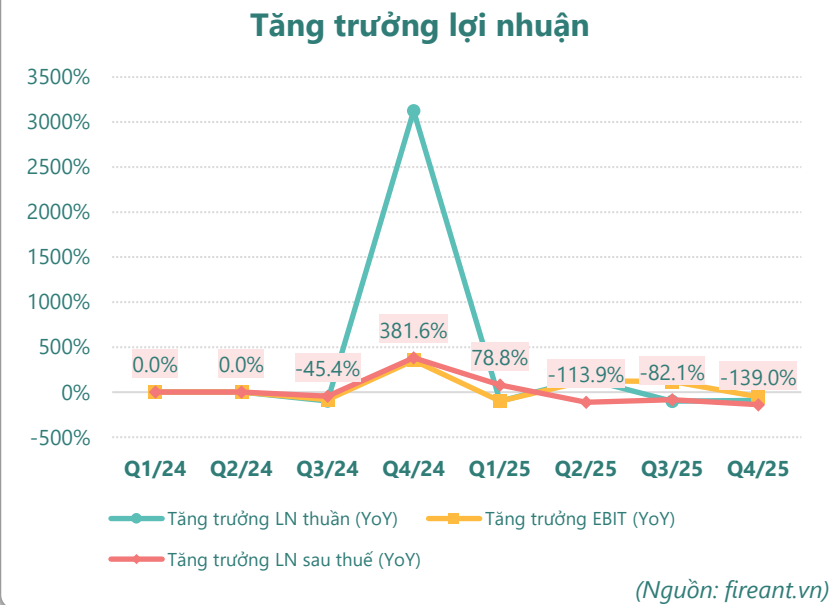
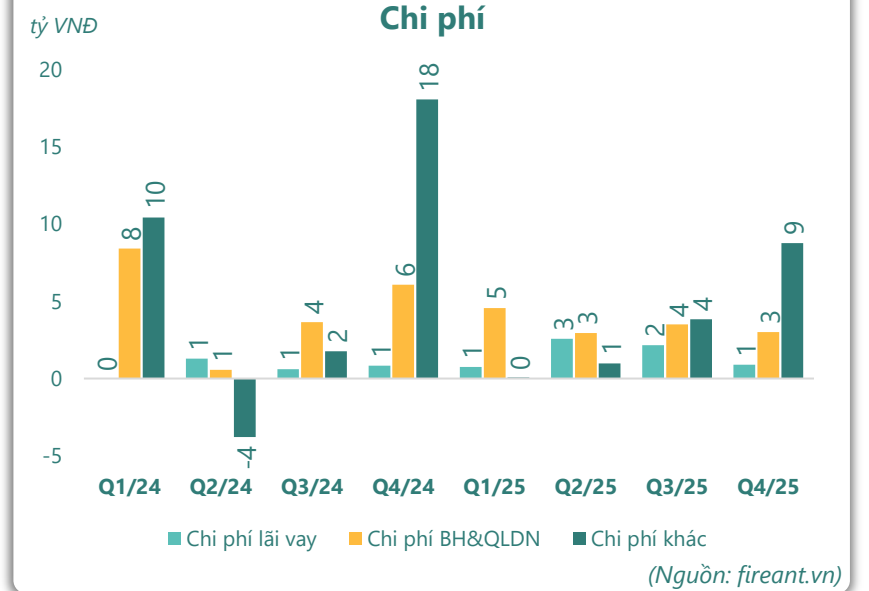
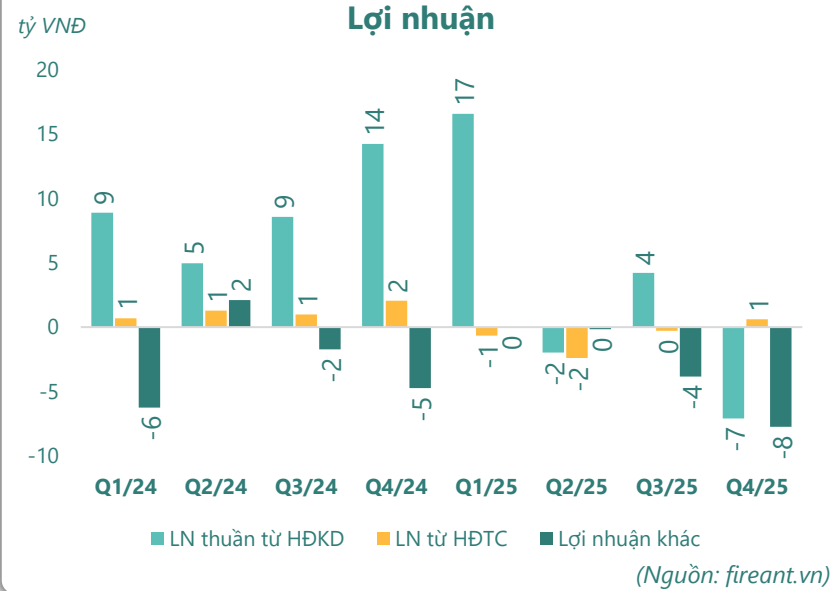
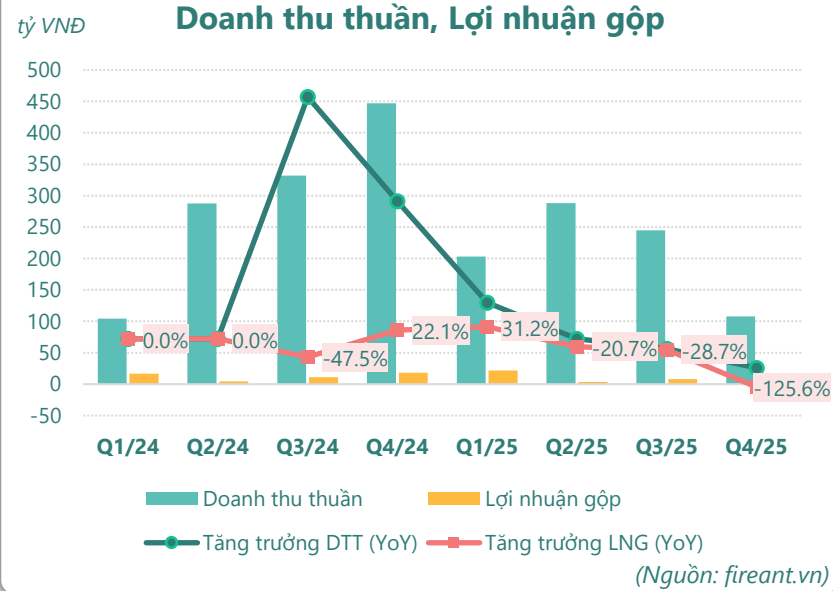
DT thuần 2025
844
tỷ VNĐ
YoY: ▼328 -28.0%

LN thuần 2025
11.7
tỷ VNĐ
YoY: ▼28.8 -71.1%

LN sau thuế 2025
-2.28
tỷ VNĐ
YoY: ▼14.2 -119%



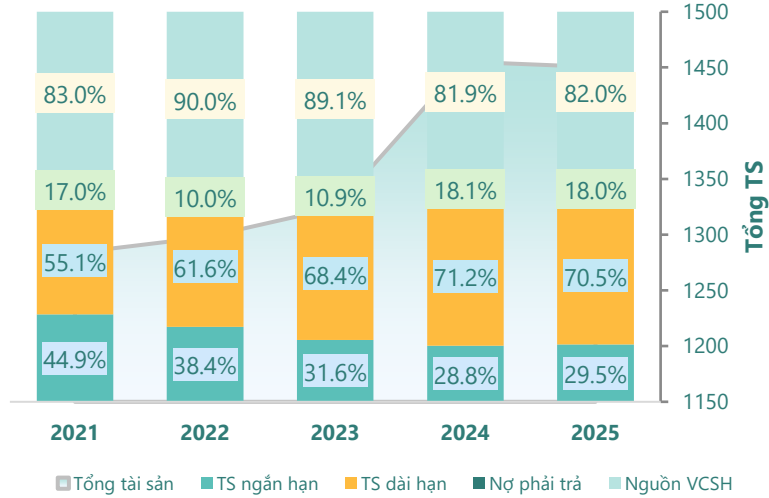
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

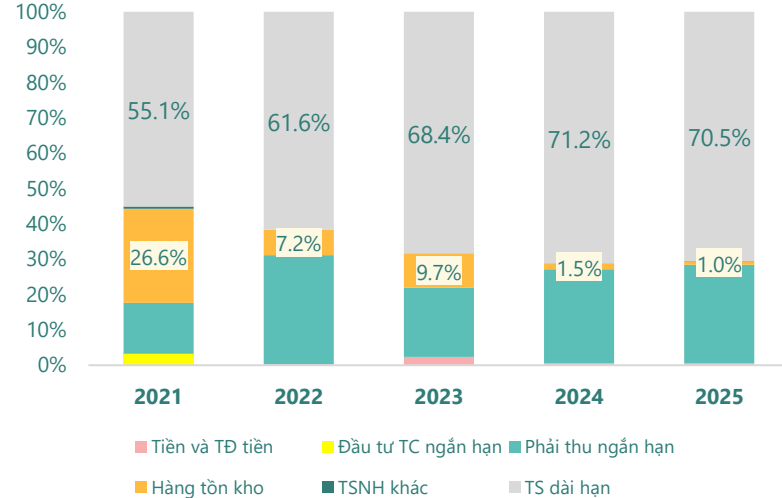
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

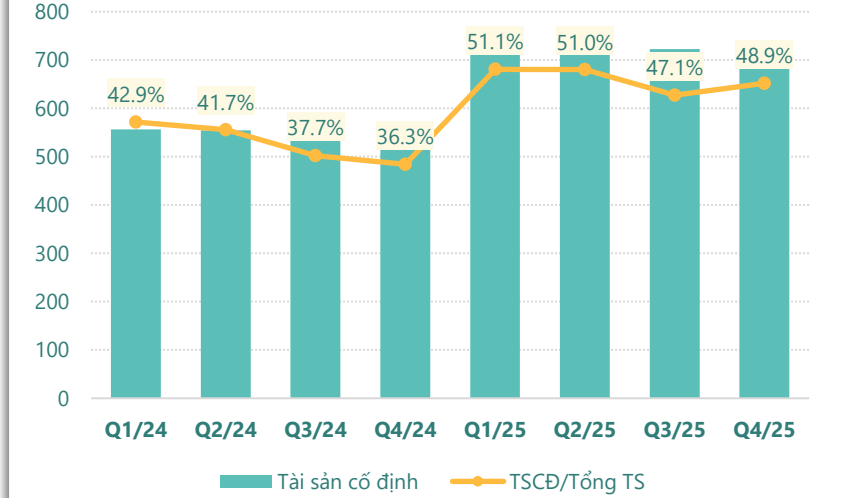
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

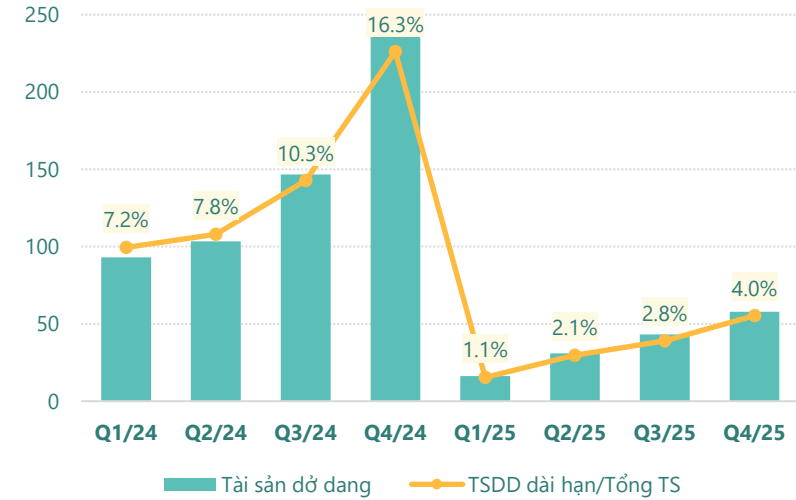
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

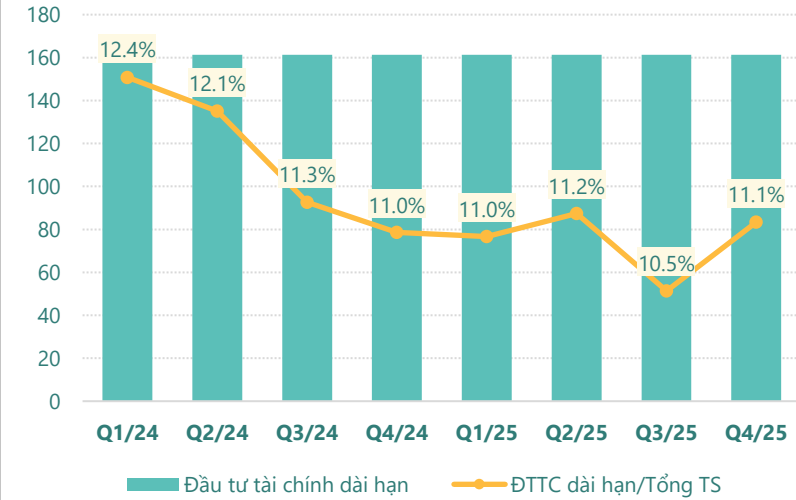
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

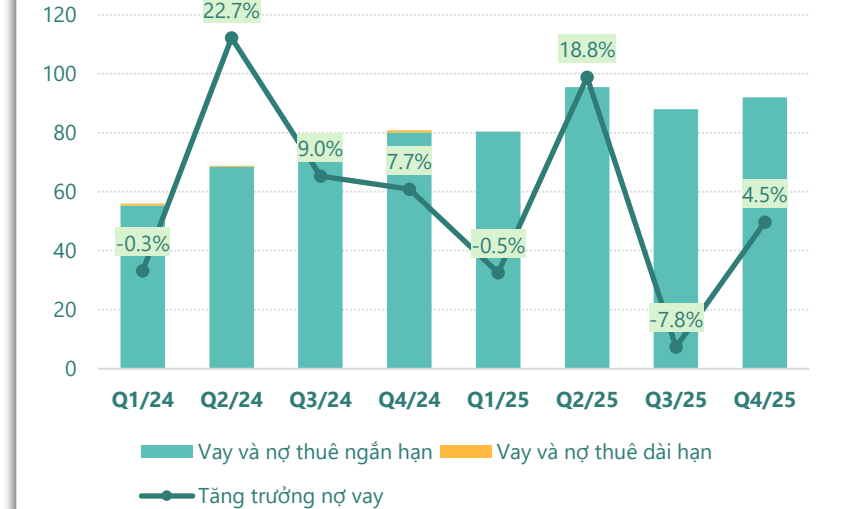
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

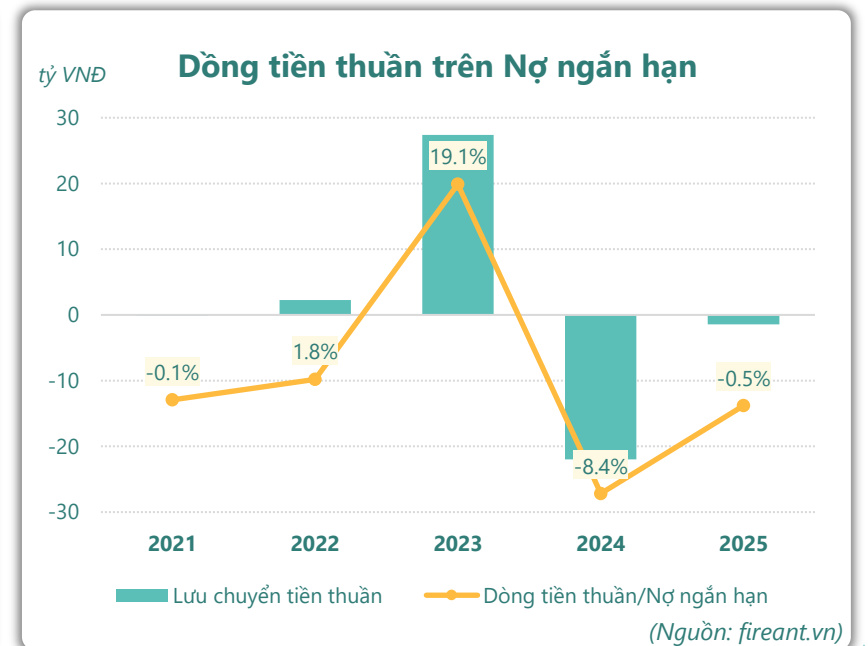
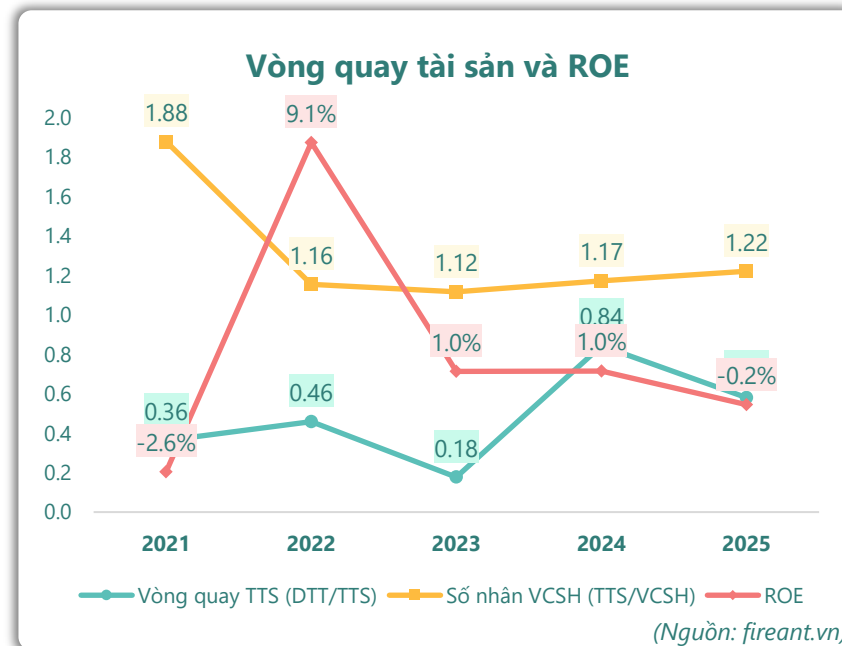
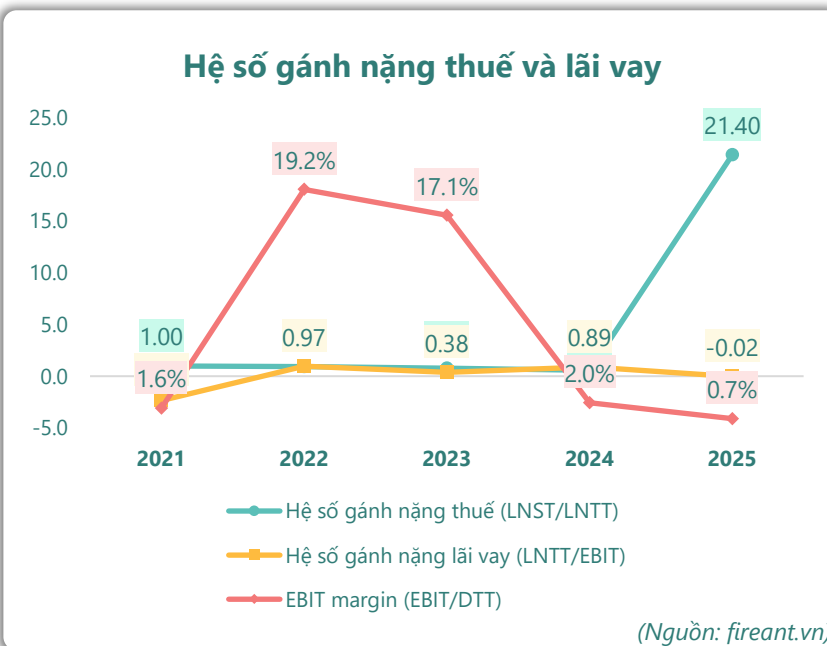
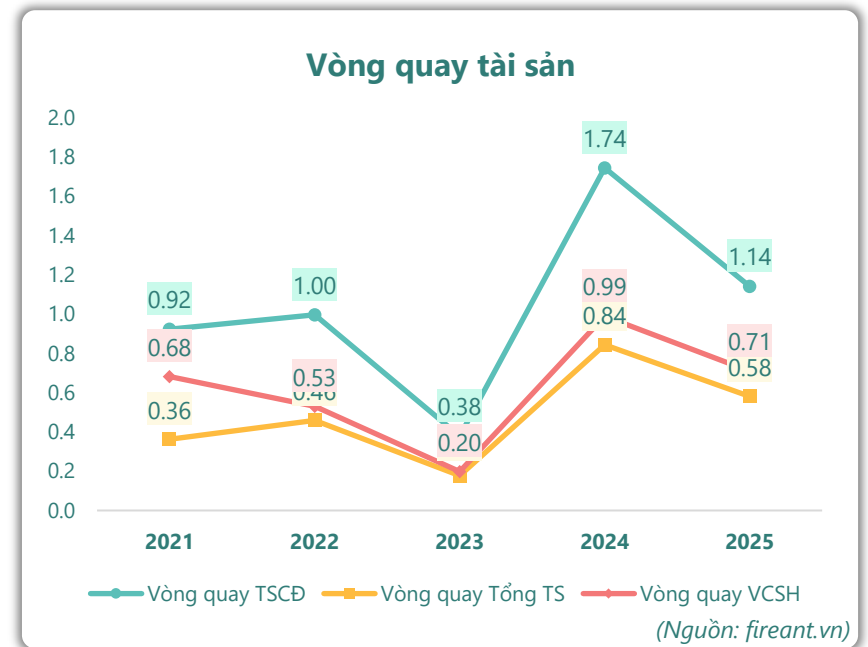
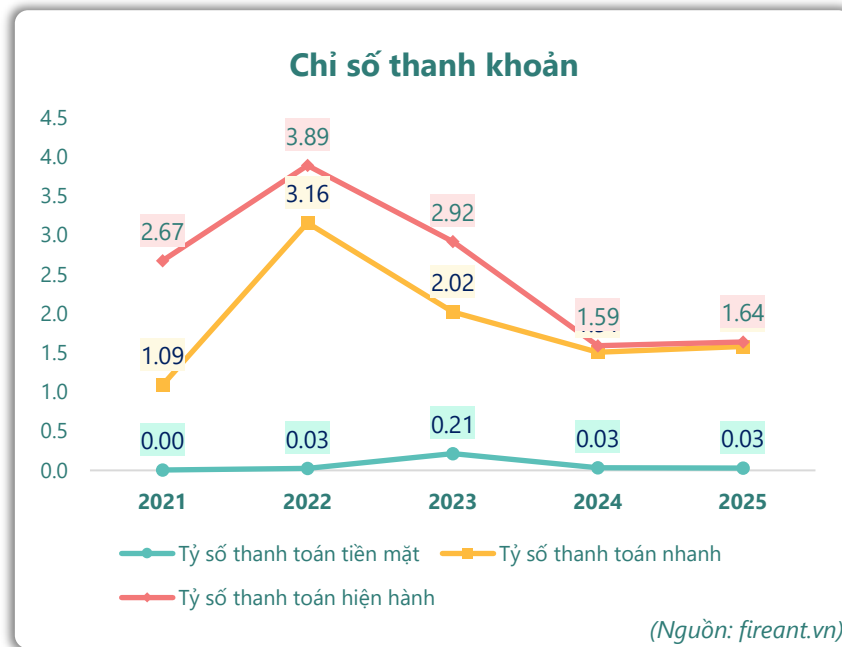
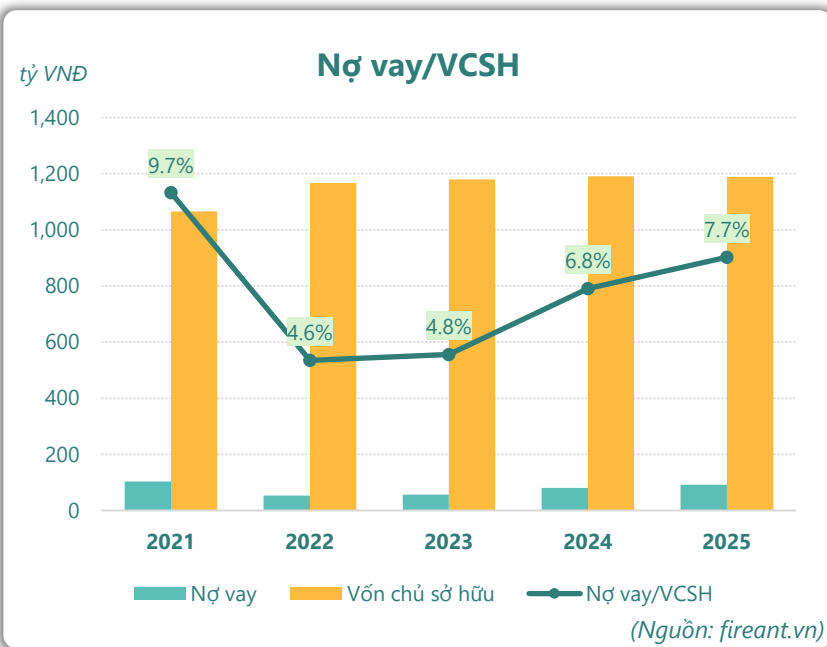
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	108	447	-75.8%	844	1,172	-28.0%
Giá vốn hàng bán	113	429	-73.7%	816	1,117	-27.0%
Lợi nhuận gộp	-4.69	18.3	-126%	28.5	54.8	-48.0%
Doanh thu HĐTC	1.50	2.89	-48.0%	3.64	7.73	-52.9%
Chi phí TC	0.90	0.84	7.7%	6.40	2.73	134%
Chi phí lãi vay	0.90	0.84	7.7%	6.40	2.73	134%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.59	1.27	-53.3%	2.96	5.09	-42.0%
Chi phí QLDN	2.42	4.81	-49.6%	11.1	14.2	-21.8%
LN thuần từ HĐKD	-7.10	14.3	-150%	11.7	40.5	-71.1%
Lợi nhuận khác	-7.75	-4.75	-63.2%	-11.8	-19.4	39.2%
LN trước thuế	-14.9	9.51	-256%	-0.11	21.1	-101%
Lợi nhuận sau thuế	-13.6	6.30	-316%	-2.28	11.9	-119%
LNST của CĐ cty mẹ	-13.6	6.30	-316%	-2.28	11.9	-119%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	-110	-62.3	8.12	-44.1	82.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	103	8.58	-49.4	-8.31	52.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	5.93	49.3	49.3	45.1	-132
Tiền đầu kỳ	0	9.68	4.65	0.27	8.21	0.94
Lưu chuyển tiền thuần	0	-0.94	-4.38	7.94	-7.27	2.28
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	8.74	0.27	8.21	0.94	7.32

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,450	1,455	-0.3%
Tài sản ngắn hạn	427	418	2.2%
Tiền và tương đương tiền	7.32	8.74	-16.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	405	386	4.8%
Hàng tồn kho	14.9	22.2	-33.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.51	1.30	-60.6%
Tài sản dài hạn	1,023	1,037	-1.3%
Phải thu dài hạn	0	0.06	-100%
Tài sản cố định	709	770	-7.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	57.8	5.45	959%
Đầu tư tài chính dài hạn	161	161	0.0%
Tài sản dài hạn khác	94.8	100	-5.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	262	264	-0.9%
Nợ ngắn hạn	261	263	-0.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	92.0	80.6	14.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	115	130	-11.6%
Nợ dài hạn	0.71	0.95	-25.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0.24	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,189	1,191	-0.2%
Vốn chủ sở hữu	1,189	1,191	-0.2%
Vốn điều lệ	1,179	1,179	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

